



yóu jǐng

油井

noun · oil well

Example Sentences

Zhè lǐ yǒu yī kǒu yóu jǐng

这里有一口油井。

There is an oil well here.

Gōng rén men zhèng zài wéi xiū nà zuò yóu jǐng

工人们正在维修那座油井。

The workers are repairing that oil well.

Xīn fā xiàn de yóu jǐng wèi dāng dì dài lái le dà liàng jiù yè jī huì

新发现的油井为当地带来了大量就业机会。

The newly discovered oil well brought many job opportunities to the area.

Trace each character, then write the word on your own.

油 油 油 油 油 油 油 油 油 油 油

井 井 井 井 井 井 井